TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2026
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều vắng mặt (đều có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử ly hôn vắng mặt và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành T kết hôn vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân được hơn 02 năm nên nay bà xin ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/10/2002; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2008 và Nguyễn Lê Thiên Ý, sinh ngày 21/4/2012. Hiện 03 con đang sống cùng với ông Nguyễn Thành T. Ly hôn bà thống nhất giao 02 con là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2008 và cháu Nguyễn Lê Thiên Ý, sinh ngày 21/4/2012 cho ông Nguyễn Thành Trung trực T1

nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con do hiện bà đang thất nghiệp, hoàn cảnh khó khăn. Đối với con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/10/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T) và bà Nguyễn Tuyết M tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại U, thành phố T, tỉnh Phú yên (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Nay bà M xin ly hôn thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/10/2002; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2008 và Nguyễn Lê Thiên Ý, sinh ngày 21/4/2012. Hiện con chung là cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với 02 con chung là Đ và Ý hiện đang sống cùng với tôi. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M và bị đơn ông Nguyễn Thành T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại U, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2002, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như các đương sự đã trình bày. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai; vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/10/2002; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2008 và Nguyễn Lê Thiên Ý, sinh ngày 21/4/2012. Con chung Nguyễn Tiến D đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với 02 con chung Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Lê Thiên Ý, hiện đang sống cùng với bị đơn; ly hôn bị đơn xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của các con, nguyên đơn cũng đồng ý giao 02 con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, xét đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Đ đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, mà chỉ chấp nhận giao cháu Ý cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Do bị đơn không yêu cầu nên nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết M được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/10/2002; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2008 và Nguyễn Lê Thiên Ý, sinh ngày 21/4/2012.

Các con chung là Nguyễn Tiến D và Nguyễn Tiến Đ đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao con chung là Nguyễn Lê Thiên Ý cho ông Nguyễn Thành Trung trực T1 nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005119 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND KV11;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND phường 2 (nay là phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk);
(Giấy CNKH số 34, ngày 19/7/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA